

## **Sự biến đổi giá trị gia đình ở Việt Nam (tổng quan nghiên cứu trong nước)**

**Nguyễn Đức Tuyển**

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan, phân tích tài liệu để tìm hiểu khái niệm về giá trị, giá trị gia đình và phân tích sự biến đổi giá trị gia đình ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số giá trị gia đình truyền thống dù có sự thay đổi nhưng vẫn được đề cao trong xã hội như các giá trị về hôn nhân, giá trị của việc có con; trong khi một số giá trị truyền thống khác lại có sự suy giảm tầm quan trọng như giá trị về sự trinh tiết, giá trị đông con; đáng chú ý là một số giá trị mới đã xuất hiện và ngày càng nhận được sự ủng hộ của xã hội như giá trị về kiểu loại hình gia đình phi truyền thống.<sup>(1)</sup>

**Từ khoá:** Hôn nhân - Gia đình; Giá trị gia đình; Gia đình Việt Nam; Biến đổi giá trị gia đình.

Ngày nhận bài: 2/1/2018; ngày chỉnh sửa: 23/2/2018; ngày duyệt đăng: 5/4/2018.

Trải qua những biến động của lịch sử, xã hội Việt Nam có những sự giao thoa và tiếp nhận những hệ giá trị khác nhau. Những hệ giá trị đã từng có ảnh hưởng mạnh đến gia đình Việt Nam có thể kể đến như hệ giá

trị thời kỳ phong kiến với tư tưởng bất bình đẳng đối với phụ nữ, hệ giá trị thời kỳ thực dân với tư tưởng tự do của phương Tây, và hệ giá trị thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đổi mới, hội nhập quốc tế mang nhiều tư tưởng hiện đại. Cùng với sự biến đổi của hệ giá trị nói chung, một số giá trị gia đình Việt Nam hiện nay đã có những thay đổi so với trước đây.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng quan tài liệu để tìm hiểu khái niệm về giá trị, giá trị gia đình, về sự biến đổi giá trị gia đình ở Việt Nam và phân tích sự biến đổi của giá trị gia đình hiện nay so với truyền thống, từ đó góp phần xác định sự vận động của giá trị gia đình trong giai đoạn tới.

## **1. Khái niệm về giá trị, giá trị gia đình và biến đổi giá trị gia đình ở Việt Nam**

### **Khái niệm Giá trị**

Ở Việt Nam, có hai định nghĩa về khái niệm giá trị đáng chú ý trong từ điển. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, “Giá trị” là: “1) Phạm trù triết học, xã hội học chỉ tính có ích, có ý nghĩa của những sự vật, hiện tượng tự nhiên hay xã hội có khả năng thoả mãn nhu cầu, phục vụ lợi ích của con người. Ở đây, các sự vật, hiện tượng được xem xét dưới góc độ đáng hay không đáng mong muốn, có ý nghĩa tích cực hay không đối với đời sống xã hội; 2) Phạm trù kinh tế nói lên thuộc tính của hàng hoá do lao động hao phí để sản xuất hàng hoá quyết định” (Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, 2002: 97). Theo Đại từ điển Tiếng Việt, Giá trị là: “(1) Cái được xác định có ích, có hiệu quả trong cuộc sống vật chất và tinh thần; 2) Xác định hiệu lực của một việc làm; 3) Kết quả của mọi điều kiện để sản xuất ra hàng hoá; 4) Số đo của một đại lượng, hay số được thay thế bằng một ký hiệu” (Nguyễn Như Ý, 1998: 725).

Khái niệm “giá trị” định nghĩa trong các Từ điển mang tính phổ thông nên không phù hợp đối với nghiên cứu chuyên sâu, do vậy, một số nhà khoa học vẫn đưa ra định nghĩa riêng: ví dụ, tác giả Võ Văn Thắng cho rằng “Giá trị trước hết là một phạm trù triết học dùng để chỉ sự đánh giá những thành quả lao động sáng tạo vật chất và tinh thần của con người. Nó có tác dụng định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động của xã hội nhằm vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội” (Võ Văn Thắng, 2006: 18).

Một số khác lại dựa vào những định nghĩa có tầm ảnh hưởng lớn, phổ biến trên thế giới, ví dụ như định nghĩa Anthony Giddens coi: “Giá trị là những ý niệm trừu tượng xác định cái gì được coi là quan trọng, đáng giá và đáng ao ước trong phạm vi một nền văn hoá” (Lê Ngọc Văn, 2016: 20);

hoặc của Rokeach “giá trị là sự đại diện và truyền tải nhận thức của những nhu cầu”; Giá trị cá nhân “là một niềm tin bền vững về một phương thức hành động hay thực tại được chấp nhận về mặt xã hội và cá nhân, có khả năng thống nhất những lợi ích đa dạng khác nhau của các khoa học có liên quan đến hành vi con người” (dẫn theo Trần Thị Minh Thi, 2017: 34).

Tổng hợp các định nghĩa về khái niệm giá trị được sử dụng phổ biến hiện nay ở Việt Nam trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội, có thể nhận thấy giá trị thường để chỉ những điều mong muốn, tốt đẹp (mang tính tích cực) được cá nhân, cộng đồng chia sẻ và hướng tới.

### **Giá trị gia đình**

Khái niệm giá trị gia đình chưa nhận được nhiều chú ý trong các nghiên cứu ở Việt Nam. Các nhà khoa học dường như quan niệm giá trị gia đình là một bộ phận của giá trị, ví dụ, “Hệ giá trị gia đình chỉ là một bộ phận, một hợp phần trong hệ thống giá trị của toàn xã hội mà thôi” (Lê Ngọc Văn, 2016: 22). Khi giá trị là cái đẹp, sự mong muốn, cái vươn tới, thì giá trị gia đình cũng chỉ là những điều tốt đẹp, được mong muốn, được vươn tới trong các mối quan hệ của gia đình.

### **Sự biến đổi của giá trị gia đình**

Giá trị gia đình được cho là “có sự vận hành và biến đổi theo thời gian” (Lê Ngọc Văn, 2016: 30), và các tác giả Phan Huy Lê và Chung Á cho rằng giá trị không phải luôn luôn đi lên, “có mặt tốt hơn và có mặt kém đi theo những mức độ khác nhau” (Phan Huy Lê, Chung Á, 1997). Tác giả Trần Thị Minh Thi đi sâu vào bản chất của biến đổi thì cho rằng “Điểm đặc trưng trong sự biến đổi giá trị về các quan hệ gia đình chính là những thay đổi căn bản về vai trò giới trong phân công lao động trong gia đình” (Trần Thị Minh Thi, 2017: 39).

## **2. Những biến đổi về giá trị gia đình ở Việt Nam**

Để so sánh sự biến đổi, ta có thể tạm phân loại gia đình Việt Nam thành hai mô hình: Gia đình truyền thống (chỉ những kiểu gia đình trong thời kỳ phong kiến, chịu ảnh hưởng từ tư tưởng gia trưởng, khoảng trước 1959) và gia đình hiện đại (xuất hiện sau năm 1959, khi có Luật Hôn nhân và Gia đình, với những đặc trưng như bình đẳng giới và hôn nhân tự nguyện) (Trần Thị Minh Thi, 2017: 42). Việc phân loại mô hình gia đình này giúp ta thấy được rõ hơn sự biến đổi gia đình Việt Nam trong thời gian gần đây.

### **2.1. Giá trị của tình yêu nam nữ**

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, tình yêu nam nữ không được coi trọng. Theo tác giả Đào Duy Anh thì việc hôn nhân có nhiệm vụ chính là duy trì nòi giống gia đình, dòng họ, cho nên việc hôn nhân là việc của gia

đình, dòng họ; tình cảm nam nữ là thứ không quan trọng (Đào Duy Anh, 1992: 123-126). Tác giả Lê Ngọc Văn cũng cho rằng trong gia đình truyền thống, con cái không có quyền tự do lựa chọn hôn nhân, giá trị của tình yêu nam nữ hoàn toàn không được đề cao, mà đề cao sự sắp đặt của cha mẹ (Lê Ngọc Văn, 2011: 82). Tác giả Huỳnh Công Bá khi nghiên cứu Luật Gia Long đã cho thấy luật đã quy định hôn nhân là cha mẹ, họ hàng quyết định chứ không phải do tình yêu nam nữ (Huỳnh Công Bá, 2005: 29-30).

Sự phản đối mô hình hôn nhân sắp đặt để chuyển sang mô hình hôn nhân tự nguyện, đề cao giá trị tự do yêu đương của đôi nam nữ bắt đầu nổi lên trong thời kỳ người Pháp cai trị Việt Nam. Những tư tưởng tự do từ phương Tây đã tạo nên một sự biến đổi trong nhận thức về tình yêu của người dân thành thị, cùng với sự ra đời của chữ Quốc ngữ, báo chí và văn học chữ Quốc ngữ đã đả phá sự sắp xếp của bố mẹ và đề cao tình yêu nam nữ. Sự đả phá hôn nhân sắp đặt thường bị đàn áp nhưng sự đấu tranh cũng rất quyết liệt, do đó, xuất hiện cả những hướng đi tiêu cực: để bảo vệ tình yêu, đôi nam nữ “gây ấn tượng mạnh mẽ nhất bằng tự tử” (Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý, 2007: 131).

Sau năm 1959 mô hình hôn nhân tự nguyện trong gia đình Việt Nam hiện đại, và giá trị tình yêu của nam nữ được bảo vệ bởi luật pháp. Luật Hôn nhân và Gia đình đầu tiên (1959) đã đảm bảo quyền tự do kết hôn của đôi nam nữ, cấm cưỡng ép kết hôn và cản trở hôn nhân tự do. Các Luật Hôn nhân và Gia đình của các giai đoạn sau đó đều có những quy định khuyến khích hôn nhân tự nguyện, nghiêm cấm mọi hình thức ngăn cản hôn nhân tự nguyện hoặc cưỡng ép hôn nhân.

Đến nay, nhiều nhà khoa học ở Việt Nam cho biết mô hình quyết định kết hôn đang tiến triển theo hướng quyền lực của cha mẹ quyết định hoàn toàn hôn nhân của con cái giảm dần và tăng dần sự tự do lựa chọn của đôi nam nữ (Nguyễn Hữu Minh, 1999; Nguyễn Đức Chiện, 2008). Cũng có nhà khoa học cho rằng, việc ngày càng giảm đi quyền cha mẹ quyết định hoàn toàn hôn nhân của con cái hiện nay không có nghĩa là quyền quyết định hoàn toàn của con cái tăng lên, mà phổ biến mô hình quyền quyết định là của con cái nhưng vẫn cần có sự đồng ý của bố mẹ (Lê Ngọc Văn, 2007). Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng cha mẹ thường phải đồng ý khi được hỏi ý kiến, do vậy, có thể sự đồng ý của bố mẹ chỉ là hình thức; thực tế việc quyết định hôn nhân là hoàn toàn do con cái, giá trị tình yêu của đôi nam nữ như vậy đã được đảm bảo.

## **2.2. Giá trị của sự trinh tiết, vấn đề tình dục trước hôn nhân**

Trong xã hội truyền thống, xã hội có sự đánh giá và nhìn nhận về giá trị trinh tiết của phụ nữ rất khắt khe. Khi hôn nhân không phải là quyền

quyết định của đôi nam nữ, mà quyền quyết định là của cha mẹ, thì một trong những yếu tố quan trọng mà họ đánh giá là sự trinh tiết, hay vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân của người con gái.

Trong xã hội truyền thống, quan hệ tình dục trước hôn nhân đối với phụ nữ là điều cấm kỵ (Nguyễn Đức Chiện, 2011), vi phạm chuẩn mực này sẽ bị trừng phạt nặng nề về cả thể xác và tinh thần (Trần Thị Vân Nương, 2016: 244). Người con gái trinh tiết được đánh giá cao, được coi là phẩm chất của người phụ nữ.

Ngày nay, bối cảnh giao lưu quốc tế đã và đang làm biến đổi nhanh chóng các quan niệm của xã hội; quan niệm về quan hệ tình bạn, tình yêu đã biến đổi “cởi mở”, “thực dụng” hơn. Các quan hệ tình yêu chớp nhoáng, sống thử, quan hệ tình dục trước hôn nhân được đánh giá là đang phát triển lan rộng trong giới trẻ, đặc biệt là nhóm sinh viên, công nhân ở các thành phố lớn (Nguyễn Đức Chiện, 2011). Theo kết quả một cuộc khảo sát, có 28,2% người trả lời cho rằng quan hệ tình dục trước hôn nhân là bình thường (Trần Thị Vân Nương, 2016: 245). Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào chỉ ra được tỉ lệ quan hệ tình dục trước hôn nhân trong gia đình truyền thống là bao nhiêu phần trăm vì trước đây chưa có nghiên cứu về vấn đề này, nhưng “...ai cũng biết là tỉ lệ quan hệ tình dục trước hôn nhân tăng lên” (Khuất Thu Hồng, 2015). Tình dục trước hôn nhân đã được một bộ phận thanh niên chấp nhận, và lối sống này đang trở thành một hiện tượng bình thường của một nhóm xã hội; và vấn đề trinh tiết của người con gái không còn là giá trị cực kỳ quan trọng như trước đây nữa.

### 2.3. Giá trị của hôn nhân

Gia đình Việt Nam truyền thống đánh giá rất cao hôn nhân, đây được coi là một trong những giá trị quan trọng nhất của con người. Người đến tuổi mà chưa kết hôn bị coi là chưa ổn định cuộc sống.

Trong xã hội hiện đại, quan niệm hôn nhân là tất yếu không còn mạnh mẽ như trong xã hội truyền thống (Nguyễn Hữu Minh, 2014:28-29). Theo một nghiên cứu, chỉ có một tỷ lệ nhỏ người trả lời có thái độ giữ hôn nhân bằng mọi giá, còn lại phần lớn mọi người (khoảng 4/5 tổng số người trả lời) cho rằng có thể ly hôn trong một số trường hợp (Trần Thị Cẩm Nhung, 2015:36). Sự gia tăng tỉ lệ ly hôn, ly thân dù đang còn chậm nhưng cùng với sự gia tăng của con số những người lựa chọn cuộc sống độc thân cho thấy, với một bộ phận người Việt Nam, hôn nhân đã mất dần vị trí là giá trị hàng đầu (Khuất Thu Hồng, 2015).

Bên cạnh đó, cũng có những nghiên cứu cho rằng: dù có những suy giảm, nhưng hôn nhân đối với con người Việt Nam vẫn là một giá trị lớn. Hôn nhân vẫn là một chuẩn mực được đa số người dân thừa nhận hiện nay

(Trần Thị Vân Nương, 2016: 246), và không chỉ những người được coi là thuộc tầng lớp cũ ít thích nghi với cái mới, mà nhiều thanh niên vẫn đánh giá cao giá trị của hôn nhân: 61% số thanh niên cho rằng hôn nhân là bước chuyển lớn (Cầm Trang, 2010).

#### **2.4. Giá trị của mô hình gia đình truyền thống**

Mô hình gia đình truyền thống được đánh giá cao là gia đình toàn vẹn, có đủ bố mẹ, có nhiều con, có con trai, có nhiều thế hệ chung sống (Thảo Linh, 2015). Chính vì đề cao mô hình truyền thống, các kiểu mô hình khuyết thiếu, sống chung trước hôn nhân, gia đình ly hôn, gia đình không con, gia đình đồng giới... thường bị định kiến hoặc bị cho rằng là những mô hình đáng thương hại.

Hiện nay, ở Việt Nam đã có cách nhìn nhẹ nhàng hơn với các kiểu loại gia đình khác với gia đình truyền thống. Theo kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường, một tỷ lệ khá cao những người được hỏi có quan điểm trung lập với loại hình gia đình đơn thân do ly hôn (35,3%) đơn thân do không kết hôn (33,7%), sống chung không kết hôn (26,4%) hoặc gia đình không có con (32,1%) (Thảo Linh, 2015).

Gần đây, xuất hiện hiện tượng tình yêu đồng tính, hôn nhân đồng tính. Khi mới xuất hiện, vấn đề này gặp phải sự phản đối gay gắt, nhưng đến nay định kiến đối với nhóm người này đã giảm, tỷ lệ ủng hộ gia đình đồng tính tuy vẫn là tỷ lệ thấp, nhưng đã lên đến 19% (Thảo Linh, 2015). Có thể nói, sự kỳ thị với hiện tượng tình yêu đồng tính, hôn nhân đồng tính có phần nào giảm bớt tuy vẫn là vấn đề gây nhiều tranh luận trong xã hội Việt Nam hiện đại.

#### **2.5. Giá trị của người chồng trong gia đình**

Trong gia đình truyền thống, người chồng được gắn với giá trị là tối thượng, có tất cả các quyền lực trong gia đình “từ việc lớn đến việc nhỏ” (Lê Thị Hồng Hải, Mai Văn Huyền, 2016: 210). Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng thực tế trong gia đình Việt Nam truyền thống cũng đã có sự coi trọng sự bình đẳng trong quan hệ vợ chồng, thể hiện ở câu “thuận vợ thuận chồng”, và “trên thực tế, người vợ nhiều khi lại có vai trò lớn và quyết định trong gia đình” (Văn Quân, 1995: 17).

Hiện nay vấn đề này vẫn còn nhiều ý kiến trái ngược. Khuôn mẫu “đàn ông là trụ cột gia đình” hay “cha là nóc nhà” vẫn phổ biến (Thảo Linh, 2015). Nhưng cũng có những ý kiến cho rằng quyền của người nam giới trong gia đình truyền thống đã không còn giữ được vị thế tuyệt đối trong gia đình hiện nay, sự bình đẳng nam nữ đang ngày càng được xã hội đón nhận (Lê Thị Hồng Hải, Mai Văn Huyền, 2016: 209) và thậm chí vợ

chồng gần như đã bình đẳng: kết quả điều tra tại Thái Bình cho thấy tỷ lệ vợ chồng cùng quyết định ngang nhau những việc quan trọng trong gia đình chiếm đến 34,7%, trong khi tỷ lệ người chồng toàn quyền quyết định chỉ chiếm 4,1% (Lê Thị Hồng Hải, Mai Văn Huyền, 2016: 210).

Các nhận xét giá trị người chồng trong gia đình khác nhau trong nghiên cứu có thể do từng góc độ nghiên cứu, khu vực nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, hay quan điểm của người nghiên cứu... nhưng nhìn chung, phần lớn các tác giả đều cho rằng giá trị của người vợ trong gia đình hiện nay được nâng lên, ngày càng bình đẳng hơn và giá trị “trụ cột gia đình” của người chồng giảm đi, không còn là tuyệt đối như trước kia.

### **2.6. Giá trị của việc sinh con, và có con trai**

Gia đình truyền thống đề cao giá trị của việc có con, và được coi là mục đích chính của việc lập gia đình. Trong gia đình truyền thống, mục đích đầu tiên của hôn nhân là chức năng sinh con (Thảo Linh, 2015). Tác giả Hồ Bá Thâm nhận xét rằng, ngoài việc rất coi trọng con, gia đình truyền thống “lại quá trọng con trai, sinh nhiều con” (Hồ Bá Thâm, 2006: 486).

Hiện nay việc có con vẫn là một vấn đề quan trọng, theo tác giả Lê Thi “nhìn chung, đa số các cặp nam nữ đã kết hôn đều mong muốn có con” (Lê Thi, 2017: 22). Xu hướng muốn đẻ con trai vẫn tồn tại trong một bộ phận người dân (Nguyễn Hữu Minh, 2014: 28-29), nhưng phổ biến hiện nay người dân đã chuyển hướng sang ưu tiên dành cho việc học hành, sức khoẻ của con (Nguyễn Hữu Minh, 2014: 28-29).

### **3. Kết luận**

Qua nghiên cứu những vấn đề về giá trị gia đình, chúng ta thấy những vấn đề lý luận như định nghĩa, thành phần, tính chất của giá trị gia đình Việt Nam chưa được thống nhất, các nghiên cứu về giá trị gia đình còn khá hạn chế trong lĩnh vực khoa học xã hội ở Việt Nam.

Kết quả các nghiên cứu về gia đình truyền thống và hiện đại cho thấy nhiều giá trị đã có biến đổi, tuy nhiên, vẫn có một số giá trị vẫn giữ được vị trí quan trọng của nó. Ngày nay xu hướng biến đổi giá trị là những giá trị tinh thần giảm sút; những giá trị về kinh tế, ảnh hưởng đến việc đảm bảo cuộc sống thực tế của của thành viên gia đình đang tăng lên.

Sự biến đổi giá trị gia đình chịu tác động nhiều từ sự biến động kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước. Sự tác động của kinh tế thị trường làm tăng lên những giá trị về kinh tế; sự giao lưu quốc tế làm xuất hiện những mô hình hôn nhân gia đình mới, những giá trị mới xuất hiện và đang dần dần được người dân chấp nhận. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ trọng điểm “Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay” (Mã số: KHXH-GĐ/16-19/10). Đề tài thuộc Chương trình “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

### Tài liệu trích dẫn

- Cầm Trang. 2010. Sau kết hôn, con cái nên ở riêng. Báo mới.com.
- Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý. 2007. Gia đình học. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 686 tr.
- Đào Duy Anh. 1992. Việt Nam văn hóa sử cương. Tái bản, theo nguyên bản của Quan hải tùng thư 1938. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa sử Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh. 388 tr.
- Hồ Bá Thâm. 2006. “Xây dựng gia đình văn hóa truyền thống và hiện đại”. Trong: *Gia đình Việt Nam: Những giá trị truyền thống và các vấn đề tâm bệnh lý xã hội*. Đặng Phương Kiệt chủ biên. Nxb. Lao động. Hà Nội, tr. 479-490.
- Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam. 2002. Từ điển Bách khoa Việt Nam, Tập 2. Nxb. Từ điển Bách khoa. Hà Nội. 1035 tr.
- Huỳnh Công Bá. 2005. Hôn nhân và gia đình trong pháp luật Triều Nguyễn. Nxb. Thuận Hoá. Huế. 303 tr.
- Khuất Thu Hồng. 2015. “Gia đình và hôn nhân ở Việt Nam thay đổi như thế nào?”. *Tạp chí Văn hoá Nghệ An*. <http://www.vanhoanghean.com.vn/van-hoa-va-doi-song27/khach-moi-cua-tap-chi45/gia-dinh-va-hon-nhan-o-viet-nam-thay-doi-nhu-the-nao>.
- Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trâm. 2016. Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận xã hội học. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội. 334 tr.
- Lê Ngọc Văn. 2007. “Mô hình tìm hiểu và quyết định hôn nhân ở nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3/2007, tr. 24-36.
- Lê Ngọc Văn. 2011. Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam: Sách chuyên khảo. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội. 547 tr.
- Lê Thị Hồng Hải, Mai Văn Huyền. 2016. “Về một khuynh hướng vận hành và biến đổi trong hệ giá trị gia đình hiện nay qua cuộc khảo sát tại tỉnh Thái Bình”. Trong *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận xã hội học*. Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trâm. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, tr. 203-220.
- Lê Thi. 2017. “Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của nhân dân



Việt Nam để xây dựng gia đình bền vững và hạnh phúc”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*. Số 1/2017 (Quyển 27), tr. 17-24.

Nguyễn Đức Chiện. 2008. Chuyển đổi mô hình kết hôn ở nông thôn Việt Nam trước và sau đổi mới: So sánh ba xã thuộc ba vùng đất nước. Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần 3, ngày 4-7 tháng 12 năm 2008.

Nguyễn Đức Chiện. 2011. *Biến đổi khuôn mẫu tình yêu và xuất hiện sống chung trước hôn nhân trong thanh niên sống xa nhà hiện nay*. Hội thảo quốc tế đóng góp của khoa học xã hội – nhân văn trong phát triển kinh tế - xã hội. [http://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU\\_123/1557/1/Nguyen%20Duc%20Chien.pdf](http://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/1557/1/Nguyen%20Duc%20Chien.pdf).

Nguyễn Hữu Minh. 1999. “Quyền tự do lựa chọn bạn đời ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng: Truyền thống và biến đổi”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1/1999.

Nguyễn Hữu Minh. 2014. Gia đình Việt Nam và một số vấn đề đang đặt ra hiện nay. Trong *Gia đình Việt Nam trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập: Từ cách tiếp cận so sánh*. Nguyễn Hữu Minh chủ biên. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội. 635 tr.

Nguyễn Như Ý (chủ biên). 1998. Đại từ điển tiếng Việt. Nxb. Văn hoá - Thông tin. Hà Nội. 1891 tr.

Phan Huy Lê, Chung Á. 1997. Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay. Tập 3. Xb. Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-07. Đề tài KX 07-02. Hà Nội. 169 tr.

Phương Linh. 2017. Người Sài Gòn sinh con ít nhất cả nước. Báo mới.com. <https://www.baomoi.com/nguoi-sai-gon-sinh-con-it-nhat-ca-nuoc/c/22678931.epi>.

Thảo Linh. 2015. Tình yêu thương là giá trị cốt lõi của gia đình. <http://toquoc.vn/giai-tri/tinh-yeu-thuong-la-gia-tri-cot-loi-cua-gia-dinh-135001.html>.

Trần Thị Cẩm Nhung. 2015. “Thái độ của người dân Hà Nội đối với vấn đề ly hôn: Kết quả phân tích bước đầu từ một cuộc khảo sát”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*. Số 6/2015 (Quyển 25), tr. 25-38.

Trần Thị Minh Thi. 2017. “Giá trị gia đình từ tiếp cận lý thuyết và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam trong bối cảnh xã hội đang chuyển đổi”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*. Số 1/2017 (Quyển 27). tr. 33-45.

Trần Thị Vân Nương. 2016. Chuẩn mực hôn nhân: Những quan niệm khác biệt. Trong *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận xã hội học*. Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trâm. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, tr. 239-255.

Văn Quân. 1995. Về các giá trị dân tộc. Nxb. Văn hoá dân tộc. Hà Nội, 350 tr.

Võ Văn Thắng. 2006. Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay: Từ góc độ văn hoá truyền thống dân tộc. Nxb. Văn hoá. Hà Nội. 255 tr.